

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6-7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10-30

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2018

TM. BAN GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC
**CÔNG TY
CỔ PHẦN
CITY AUTO**

TRẦN TRUNG CHÁNH

Số: 525.../BCSX/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2018, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 08 tháng 8 năm 2018

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám Đốc



LÊ VĂN TUẤN

Số Giấy CNĐKHNKT 0479-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		476.984.992.072	624.722.880.664
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	18.850.780.452	13.102.604.317
1. Tiền	111		18.850.780.452	13.102.604.317
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		294.035.798.146	350.149.334.821
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	95.162.018.121	153.709.892.251
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	17.126.760.789	13.675.423.862
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	181.362.056.889	182.377.096.329
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	384.962.347	386.922.379
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	159.105.477.546	252.509.906.039
1. Hàng tồn kho	141		159.332.194.534	252.736.623.027
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(226.716.988)	(226.716.988)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		4.992.935.928	8.961.035.487
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	2.726.386.014	3.648.778.005
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	1.590.869.887	4.693.350.880
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	675.680.027	618.906.602
B. Tài sản dài hạn	200		161.537.105.534	164.910.689.131
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		41.712.675.499	46.512.675.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	41.712.675.499	46.512.675.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		115.232.827.634	113.084.506.060
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	30.878.649.306	28.703.922.338
- Nguyên giá	222		48.734.408.064	44.263.810.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.855.758.758)	(15.559.888.256)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.354.178.328	84.380.583.722
- Nguyên giá	228		84.732.709.623	84.732.709.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(378.531.295)	(352.125.901)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		552.230.490	860.042.273
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		552.230.490	860.042.273
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.039.371.911	4.453.465.299
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	4.039.371.911	4.453.465.299
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		638.522.097.606	789.633.569.795

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		420.209.221.147	559.677.890.911
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		419.904.221.147	558.422.890.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	40.905.493.458	35.248.801.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.351.801.415	12.151.559.586
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	919.308.784	1.439.017.237
4. Phải trả người lao động	314		5.508.393.518	3.790.890.880
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.198.863.469	2.140.755.196
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	31.408.957.689	11.148.943.303
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	319.992.079.346	489.846.078.889
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.619.323.468	2.656.844.623
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		305.000.000	1.255.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	305.000.000	1.255.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400		218.312.876.459	229.955.678.884
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	410		218.312.876.459	229.955.678.884
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.15	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	8.751.560.692	6.019.792.133
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.15	1.199.078.892	1.121.899.985
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	12.800.018.639	27.615.936.902
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.402.515.703	4.907.730.359
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.397.502.936	22.708.206.543
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.16	15.562.218.236	15.198.049.864
<i>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</i>	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		638.522.097.606	789.633.569.795

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2018**

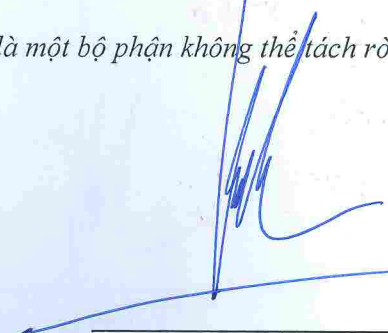
Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.368.593.896.657	1.737.547.266.503
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		22.492.999.668	32.148.980.737
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.346.100.896.989	1.705.398.285.766
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.259.334.251.064	1.630.393.060.547
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		86.766.645.925	75.005.225.219
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	13.240.550	11.946.947
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	10.951.332.461	11.110.215.769
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.951.332.461	11.110.215.769
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	55.764.677.072	54.563.595.319
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	30.368.340.351	28.058.005.254
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.304.463.409)	(18.714.644.176)
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	19.019.509.160	22.356.749.906
12.	Chi phí khác	32	VI.08	271.956.417	753.837.064
13.	Lợi nhuận khác	40		18.747.552.743	21.602.912.842
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.443.089.334	2.888.268.666
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	641.726.016	496.613.582
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	(2.255.374.181)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.801.363.318	4.647.029.265
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7.397.502.936	4.904.337.086
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		403.860.382	(257.307.821)
20.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	411	272
21.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2018

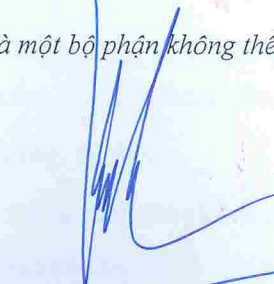
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	8.443.089.334	2.888.268.666
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.414.849.225	3.739.328.233
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	189.467.074	1.050.748.522
Chi phí lãi vay	06	10.951.332.461	11.110.215.769
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	22.998.738.094	18.788.561.190
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	63.959.244.243	(39.912.954.163)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	93.404.428.493	14.169.600.597
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.965.802.895	14.705.871.932
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.336.485.379	947.055.659
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.951.332.461)	(11.110.215.769)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.272.164.875)	(2.097.765.270)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	150.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(444.200.000)	(34.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	181.997.001.768	(4.393.845.824)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.965.339.367)	(11.591.185.408)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.507.272.727	4.403.191.143
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.240.550	11.946.947
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(5.444.826.090)	(7.176.047.318)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	971.629.874.937	1.479.614.077.750
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.142.433.874.480)	(1.464.043.613.126)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(170.803.999.543)	15.570.464.624
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	5.748.176.135	4.000.571.482
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.102.604.317	9.082.072.979
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.850.780.452	13.082.644.461

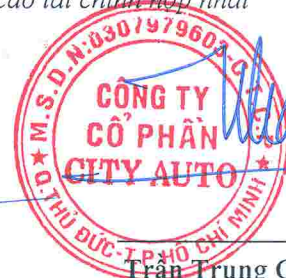
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2018

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSDC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ cứu hộ cứu nạn;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2018, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

“đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

6- Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con (Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang) vào ngày 30 tháng 6 hàng năm. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

501172
CÔNG T
CH NHIỆM H
H VỤ T
CHÍNH K
A KIỂM T
PHÍA NA
T. PH

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Số thuế thể hiện trên các báo cáo tài chính là số dự kiến phải nộp dựa trên sổ sách kế toán, số thuế cụ thể phải nộp sẽ được điều chỉnh khi cơ quan thuế kiểm tra quyết toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16- Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17- Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18- Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

19- Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua.

Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	1.466.198.639	2.223.247.145
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	673.838.363	1.612.297.358
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	338.791.587	358.953.768
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	453.568.689	251.996.019
Tiền gửi ngân hàng	17.384.581.813	10.879.357.172
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	9.152.642.979	3.858.130.350
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	668.371.504	2.334.862.570
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	7.563.567.330	4.686.364.252
Cộng	18.850.780.452	13.102.604.317
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	95.070.018.121	153.617.892.251
- Phải thu các Bên liên quan		
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	92.000.000	92.000.000
Cộng	95.162.018.121	153.709.892.251
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công Ty TNHH Minh Long	12.159.659.337	12.159.659.337
- Công Ty TNHH Ford Việt Nam	3.377.090.350	-
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	1.590.011.102	1.515.764.525
Cộng	17.126.760.789	13.675.423.862
4. Phải thu khác		
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	21.843.261.644	34.057.274.037
- Phải thu khác từ Công ty TNHH SX XD TM Hưng Nhân	1.421.636.364	1.421.636.364
- Phải thu khác từ Ông Nìm Vuồn Phu	5.150.500.000	-
- Phải thu khác từ Ông Lê Công Tâm	4.678.540.000	2.768.040.000
- Phải thu khác từ Ông Trần Ngọc Dân	1.850.000.000	1.150.000.000
- Phải thu khác từ Ông Trần Lâm	2.090.138.889	2.583.055.556
- Phải thu khác Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (*)	136.384.373.162	134.088.221.526
- Các khoản tạm ứng	2.790.445.547	2.094.963.880
- Ký quỹ ngắn hạn khác	68.364.560	91.514.560
- Các khoản phải thu khác	5.084.796.723	4.122.390.406
Cộng	181.362.056.889	182.377.096.329
b) Dài hạn		
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	37.634.102.400	42.434.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác	4.078.573.099	4.078.573.099
Cộng	41.712.675.499	46.512.675.499

(*) Khoản cho Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô mượn tiền theo Biên bản thỏa thuận mượn và cho mượn tiền theo từng thời điểm số 01/2018 ngày 02/01/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
Tại Công ty CP City Auto				
- Hàng tồn kho	384.962.347	-	384.962.347	-
Tại Công ty CP Ô tô Nha Trang				
- Hàng tồn kho	-	-	1.960.032	-
Cộng	384.962.347	-	386.922.379	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	4.188.303	-	3.089.155	-
- Chi phí sản xuất dở dang	1.874.187.400	-	2.281.446.364	-
- Hàng hóa (6.1)	157.453.818.831	(226.716.988)	250.452.087.508	(226.716.988)
Cộng	159.332.194.534	(226.716.988)	252.736.623.027	(226.716.988)

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại	116.929.282.375	208.281.707.732
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	61.211.337.373	121.965.228.201
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	35.323.354.091	72.244.356.806
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	20.394.590.911	14.072.122.725
Phụ tùng, phụ kiện	40.524.536.456	42.170.379.776
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	21.113.518.105	20.743.427.847
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	10.763.411.886	11.321.728.953
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	8.647.606.465	10.105.222.976
Cộng	157.453.818.831	250.452.087.508

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

- Số dư đầu năm	(226.716.988)
- Trích lập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	(226.716.988)

7. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	458.158.677	899.437.185
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	416.979.233	600.788.676
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	1.851.248.104	2.148.552.144
Cộng	2.726.386.014	3.648.778.005
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.603.870.122	3.991.038.918
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	435.501.789	462.426.381
Cộng	4.039.371.911	4.453.465.299

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.863.299.547	-	-	8.863.299.547
Máy móc, thiết bị	14.382.469.414	1.666.244.000	-	16.048.713.414
Phương tiện vận tải	20.083.823.925	8.574.207.150	5.802.553.680	22.855.477.395
Thiết bị, dụng cụ quản lý	934.217.708	32.700.000	-	966.917.708
Cộng	44.263.810.594	10.273.151.150	5.802.553.680	48.734.408.064
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	6.194.103.338	344.026.498	-	6.538.129.836
Máy móc, thiết bị	5.625.174.143	951.653.663	-	6.576.827.806
Phương tiện vận tải	3.207.373.043	1.985.002.007	1.092.573.329	4.099.801.721
Thiết bị, dụng cụ quản lý	533.237.732	107.761.663	-	640.999.395
Cộng	15.559.888.256	3.388.443.831	1.092.573.329	17.855.758.758
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	2.669.196.209			2.325.169.711
Máy móc, thiết bị	8.757.295.271			9.471.885.608
Phương tiện vận tải	16.876.450.882			18.755.675.674
Thiết bị, dụng cụ quản lý	400.979.976			325.918.313
Cộng	28.703.922.338			30.878.649.306

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.274.058.013 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	710.235.000	-	-	710.235.000
Cộng	84.732.709.623	-	-	84.732.709.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	352.125.901	26.405.394	-	378.531.295
Cộng	352.125.901	26.405.394	-	378.531.295
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	358.109.099			331.703.705
Cộng	84.380.583.722			84.354.178.328

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	11.256.609.811	11.256.609.811	10.237.264.595	10.237.264.595
- Công ty TNHH Minh Long	12.593.574.587	12.593.574.587	9.218.430.650	9.218.430.650
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TD Tân Thành Đô	12.146.245.493	12.146.245.493	10.021.011.407	10.021.011.407
- Các đối tượng khác	4.909.063.567	4.909.063.567	5.772.094.545	5.772.094.545
Cộng	40.905.493.458	40.905.493.458	35.248.801.197	35.248.801.197

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối kỳ
		trong kỳ	trong kỳ	
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT phải nộp	43.859.038	83.196.428.233	83.057.033.972	183.253.299
- Thuế TNDN	1.092.876.438	513.501.886	1.092.876.438	513.501.886
- Thuế TNCN	302.281.761	1.464.437.868	1.544.166.030	222.553.599
- Thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	
Cộng	1.439.017.237	85.182.367.987	85.702.076.440	919.308.784
b) Phải thu				
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	4.693.350.880	21.709.822.153	24.812.303.146	1.590.869.887
- Thuế TNDN	613.967.137	179.288.437	128.224.130	665.031.444
- Thuế TNCN	4.939.465	124.959.401	119.250.283	10.648.583
Cộng	5.312.257.482	22.014.069.991	25.059.777.559	2.266.549.914

12. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	502.346.715
- Chi phí phải trả khác	696.516.754	698.748.331
Cộng	1.198.863.469	2.140.755.196

13. Phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	- Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto	374.068.344
- Chi hộ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	2.230.981.991	2.312.283.080
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	3.750.752.441	2.715.895.641
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	1.420.000.000	1.420.000.000
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	421.992.960	133.925.050
- Phải trả cổ tức	18.004.700.000	4.700.000
- Các khoản phải trả khác	5.206.461.953	4.329.615.267
Cộng	31.408.957.689	11.148.943.303

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn	489.846.078.889	971.629.874.937	1.141.483.874.480	319.992.079.346
- NH Ngoại thương	(14.1) 161.852.066.265	387.559.732.994	397.672.626.000	151.739.173.259
- NH Bảo Việt	(14.2) 161.063.977.400	193.121.224.000	303.761.093.400	50.424.108.000
- NH Quân đội	(14.3) 56.542.926.500	107.759.727.455	140.031.631.750	24.271.022.205
- NH Quốc tế	34.092.143.000	-	34.092.143.000	-
- NH Công Thương	(14.4) 10.377.438.724	156.285.551.488	140.892.881.330	25.770.108.882
- NH Xuất nhập khẩu	(14.5) 22.906.412.000	66.290.204.000	81.013.384.000	8.183.232.000
- NH VN Thịnh Vượng	(14.6) 42.171.115.000	60.613.435.000	43.600.115.000	59.184.435.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả				
+ NH Ngoại thương	(14.1) 840.000.000	-	420.000.000	420.000.000
b. Dài hạn	1.255.000.000	-	950.000.000	305.000.000
- NH Ngoại thương	(14.1) 1.255.000.000	-	950.000.000	305.000.000
Cộng	491.101.078.889	971.629.874.937	1.142.433.874.480	320.297.079.346

Cho đến ngày 30/6/2018, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

(14.1) Vay ngắn và dài hạn từ **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam** tại các chi nhánh sau:

(14.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0083/KHDN1/17NH ngày 04/5/2017 và phụ lục số 01 ngày 11/5/2018 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 04/8/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 104.322.621.994 đồng.

(14.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và hợp đồng gia hạn số 2018/ONT ngày 01/2/2018 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/12/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này: các xe ô tô tồn kho luân chuyển với giá trị là 95 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp hàng hoá số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và số 2018/ONT/TS ngày 01/02/2018. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2018 là 47.416.551.265 đồng.

(14.1.3) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng số 2017/VCB-ONT/XE2 ngày 01/3/2017 với số tiền vay là 1.250.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi suất vay cố định 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua 01 xe ô tô Ford Explorer biển số 79A-141.21. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB-ONT/TS2 ngày 01/3/2017. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2018 là 725.000.000 đồng, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 420.000.000 đồng.

(14.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM** theo hợp đồng số 0521/2016/HĐTD1/BVB03 ngày 27/9/2016 và phụ lục số 591/2017/TB-BVB.HCM ngày 26/10/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 1003165.A.15.HĐTC.HCM ngày 26/10/2015 và các phụ lục đi kèm; bao gồm hàng hóa (xe ô tô nhãn hiệu Ford) hình thành từ vốn vay, trên cơ sở các đơn đặt hàng hoặc Hợp đồng mua bán với Công ty TNHH Ford Việt Nam; hàng hóa tồn kho mới 100% (xe ô tô nhãn hiệu Ford), có thời gian lưu kho không quá 12 tháng từ ngày Công ty TNHH Ford Việt Nam xuất bán đến ngày Ngân hàng Bảo Việt nhận làm tài sản thế chấp. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2018 là 50.424.108.000 đồng;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(14.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quân đội** theo hợp đồng số 10093.17.110.2711499.TD ngày 22/6/2017 và phụ lục số 10093.17.110.2711499.TD.PL01 ngày 11/6/2018 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/7/2018; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 6331.17.110.11499.BĐ ngày 22/6/2017 và các phụ lục thế chấp từng lần phát sinh. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2018 là 24.271.022.205 đồng.

(14.4) Vay ngắn hạn **Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh 04 TP.HCM** theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2017- HĐCVHM/NHCT908- PHUMYFORD ngày 23/12/2017 với tổng hạn mức vay là 30 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa chi tiết theo hợp đồng thế chấp hàng hóa số 01/2016-HDTC HH/NHCT908- PHUMYFORD ngày 21/12/2016 và hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2016- HDTCQTS/NHCT908-PHUMYFORD ngày 21/12/2016. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 25.770.108.882 đồng.

(14.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình** theo hợp đồng số 1007-LAV-201701434 ngày 22/12/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 187/EIB.HB-KHDN/TC/2017 ngày 22/12/2017 và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay. Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 8.183.232.000 đồng.

(14.6) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Sài Gòn** theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/EPL/17/0062/HDHM ngày 07/7/2017 với tổng hạn mức vay là 70 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 06 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% hình thành từ vốn vay mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2018 là 59.184.435.000 đồng.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2017	Tăng	Giảm	30/6/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	407.699.493	-	-	407.699.493
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.134.891.059	-	-	3.134.891.059
- LNST chưa phân phối	27.949.282.459	4.904.337.086	-	32.853.619.545
Cộng	211.491.873.011	4.904.337.086	-	216.396.210.097

	01/01/2018	Tăng	Giảm	30/6/2018
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	1.121.899.985	79.384.019	2.205.112	1.199.078.892
- Quỹ Đầu tư phát triển	6.019.792.133	2.733.973.671	2.205.112	8.751.560.692
- LNST chưa phân phối	27.615.936.902	7.397.502.936	22.213.421.199	12.800.018.639
Cộng	214.757.629.020	10.210.860.626	22.217.831.423	202.750.658.223

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
b) Lợi nhuận chưa phân phối		
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	27.615.936.902	27.949.282.459
- Lợi nhuận phát sinh trong năm	7.397.502.936	4.904.337.086
- Chia cổ tức	(18.000.000.000)	-
- Trích quỹ, Đầu tư và phát triển	(2.733.973.671)	-
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(79.384.019)	-
- Trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi	(1.406.678.845)	-
- Tăng/(giảm) khác	6.615.336	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	12.800.018.639	32.853.619.545

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

Cổ phiếu	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	18.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	18.000.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>

16. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	1.360.160.228	956.299.846
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(279.709.737)	(242.222.839)
+ Trích lập các quỹ	(18.232.255)	(16.027.143)
Cộng	15.562.218.236	15.198.049.864

17. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại:		
- USD	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.279.124.170.542	1.659.992.423.877
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	89.469.726.115	77.554.842.626
Cộng	1.368.593.896.657	1.737.547.266.503
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	22.488.999.999	32.148.980.737
Giảm giá hàng bán	3.999.669	-
Cộng doanh thu thuần	1.346.100.896.989	1.705.398.285.766
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.226.499.977.390	1.600.850.888.082
Doanh thu bán phụ tùng	30.131.193.484	26.992.555.058
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.747.324.600	75.281.253.404
Doanh thu khác	2.722.401.515	2.273.589.222
Cộng	1.346.100.896.989	1.705.398.285.766
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	79.707.505.302	20.664.728.482
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Giá vốn xe đã bán	1.185.498.411.111	1.565.040.641.370
- Giá vốn hàng hóa đã bán	22.743.650.588	21.061.228.986
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	51.092.189.365	44.291.190.191
Cộng	1.259.334.251.064	1.630.393.060.547
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Lãi tiền gửi ngân hàng	13.240.550	11.946.947
Cộng	13.240.550	11.946.947
4. Chi phí tài chính	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
- Chi phí lãi vay	10.951.332.461	11.110.215.769
Cộng	10.951.332.461	11.110.215.769

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	27.945.922.504	22.168.573.462
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.241.859.363	1.067.812.292
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.151.460.250	9.041.579.177
- Chi phí bằng tiền khác	20.425.434.955	22.285.630.388
Cộng	55.764.677.072	54.563.595.319
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	10.697.930.564	8.829.619.648
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.524.751.428	956.713.707
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.884.085.342	2.394.234.133
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.908.178.319	13.675.464.186
- Chi phí bằng tiền khác	2.353.394.698	2.201.973.580
Cộng	30.368.340.351	28.058.005.254
7. Thu nhập khác		
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	12.932.650.527	21.887.493.705
- Hỗ trợ chi phí hoạt động	5.591.375.109	
- Thu nhập khác	495.483.524	469.256.201
Cộng	19.019.509.160	22.356.749.906
8. Chi phí khác		
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	202.707.624	607.775.651
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	15.422.373	8.556.413,00
- Chi phí khác	53.826.420	137.505.000
Cộng	271.956.417	753.837.064
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	292.324.296	441.108.758
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	221.177.590	55.504.824
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	128.224.130	-
Cộng	641.726.016	496.613.582

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.801.363.318	4.647.029.265
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	403.860.382	(257.307.821)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	7.397.502.936	4.904.337.086
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	7.397.502.936	4.904.337.086
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.000.000	18.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	411	272

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.245.739.338.248	1.619.411.449.996
- Chi phí nhân công	41.959.721.816	33.344.221.618
- Chi phí khấu hao	3.414.849.225	3.739.328.233
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.415.030.874	32.935.189.029
- Chi phí khác	21.938.328.324	23.584.472.244
Cộng	1.345.467.268.487	1.713.014.661.120

VII. Những thông tin khác**1. Thông tin về các bên liên quan****a/ Các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	79.707.505.302
		Mua hàng hóa	80.014.595.448
		Nhận cung cấp dịch vụ	10.841.338.986
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	1.851.191.000

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Cổ đông lớn	Phải thu	12.251.659.337
		Phải thu ký quỹ	37.634.102.400
		Phải trả	(12.146.245.493)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2018

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.226.499.977.390	86.747.324.600	32.853.594.999	1.346.100.896.989
2. Giá vốn hàng bán	1.185.498.411.111	51.092.189.365	22.743.650.588	1.259.334.251.064
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	41.001.566.279	35.655.135.235	10.109.944.411	86.766.645.925
4. Tài sản bộ phận	116.929.282.375	1.878.375.703	40.297.819.468	159.105.477.546
5. Tài sản không phân bổ				479.416.620.060
Tổng tài sản				638.522.097.606
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				638.522.097.606
Tổng nợ phải trả				638.522.097.606

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.600.850.888.082	75.281.253.404	29.266.144.280	1.705.398.285.766
2. Giá vốn hàng bán	1.565.040.641.370	44.291.190.191	21.061.228.986	1.630.393.060.547
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	35.810.246.712	30.990.063.213	8.204.915.294	75.005.225.219
4. Tài sản bộ phận	215.064.736.895	1.723.470.955	38.413.096.769	255.201.304.619
5. Tài sản không phân bổ				455.510.203.929
Tổng tài sản				710.711.508.548
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				710.711.508.548
Tổng nợ phải trả				710.711.508.548

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu công ty cổ phần và các cổ đông cá nhân.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Số liệu về các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	18.850.780.452	13.102.604.317	18.850.780.452	13.102.604.317
Phải thu khách hàng	95.162.018.121	153.709.892.251	95.162.018.121	153.709.892.251
Trả trước cho người bán	17.126.760.789	13.675.423.862	17.126.760.789	13.675.423.862
Phải thu khác	223.074.732.388	228.889.771.828	223.074.732.388	228.889.771.828
Cộng	354.214.291.750	409.377.692.258	354.214.291.750	409.377.692.258

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	40.905.493.458	35.248.801.197	40.905.493.458	35.248.801.197
Người mua trả tiền trước	16.351.801.415	12.151.559.586	16.351.801.415	12.151.559.586
Vay ngắn và dài hạn	320.297.079.346	491.101.078.889	320.297.079.346	491.101.078.889
Phải trả người lao động	5.508.393.518	3.790.890.880	5.508.393.518	3.790.890.880
Chi phí phải trả	1.198.863.469	2.140.755.196	1.198.863.469	2.140.755.196
Các khoản phải trả khác	31.408.957.689	11.148.943.303	31.408.957.689	11.148.943.303
Cộng	415.670.588.895	555.582.029.051	415.670.588.895	555.582.029.051

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản để hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

4. Số liệu so sánh

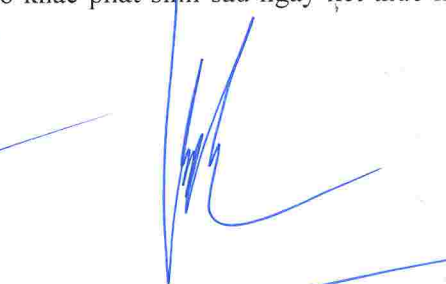
- Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017.
- Số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ trước lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2017.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Võ Chí Tâm
Người lập biểu
Ngày 20 tháng 7 năm 2018



Lê Thị Phú
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh
Tổng Giám đốc